

Bản án số: 07/2017/HSST
Ngày: 12/4/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH GIA LAI
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Tứ Hải.

Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Đông Phong, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

2. Bà Nguyễn Thị Liên, Phó Chủ tịch Hội liên hiệp phụ nữ Việt Nam huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Phạm Hồng Huy - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Chín - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 4 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 03/2017/HSST ngày 15/3/2017 đối với bị cáo:

LÊ THỊ QUỐC D, sinh năm 1983 tại Đak Pơ, Gia Lai; nơi cư trú: làng B, xã Y, huyện Đ, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: làm nông; trình độ văn hóa: 9/12; con ông Lê Văn P, sinh năm 1954 và bà Lê Thị N2, sinh năm 1955; gia đình có 05 anh em, bị cáo là con thứ 3; bị cáo có chồng là Nguyễn Văn K, sinh năm 1983 và đã ly hôn tháng 6/2015; bị cáo có 02 người con là Nguyễn Lê Bảo T, sinh năm 2007 và Nguyễn Lê Bảo N, sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị tạm giam từ ngày 08/01/2017 đến ngày 08/3/2017 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh; hiện nay bị cáo được tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

* Người bị hại:

1. Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1956; nơi cư trú: thôn A, xã P, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

2. Ông Ngô Đức T2, sinh năm 1955; nơi cư trú: thôn A, xã P, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Lê Thị N1, sinh năm 1955; nơi cư trú: thôn A, xã P, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

NHẬN THẤY

Bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Vào khoảng 18 giờ ngày 06/01/2017, bị cáo Lê Thị Quốc D điều khiển xe mô tô chở 02 người con là Nguyễn Lê Bảo T và Nguyễn Lê Bảo N từ nhà của cha mẹ bị cáo tại thôn A, xã P, huyện Đ về nhà của bị cáo ở làng Bung, xã Ya Hội, huyện Đ. Khi về đến nhà, bị cáo thấy nhà của bà Nguyễn Thị T1 khóa cửa, tắt điện không có người trông coi, trong chuồng bò cạnh nhà bà T1 có 7 con bò đang nhốt nên bị cáo nảy sinh ý định chiếm đoạt bò của bà T1 để bán lấy tiền tiêu xài. Vì vậy, bị cáo gọi điện thoại cho anh Nguyễn Văn T3 để thuê xe ô tô chở bò. Do bận công việc nên anh T3 đã điện thoại cho anh Trần Quốc T4 là chủ xe ô tô tải BKS 81C-097.28 đến chở bò cho bị cáo, anh T4 đồng ý. Sau khi thống nhất giá cước vận chuyển bò là 900.000 đồng, anh T4 gọi điện thoại nói con của mình là anh Trần Thanh T5 đi chở bò. Sau khi thuê được xe, bị cáo đến chuồng bò nhà bà T1 tháo dây thừng rồi dắt 02 con bò cái lai lông màu vàng (một con 07 năm tuổi và 01 con 05 năm tuổi) ra ngoài đường cách nhà bà T1 khoảng 15 mét rồi cột 02 con bò vào gốc cây ôi bên hông nhà bị cáo.

Đến khoảng 19 giờ 30 phút cùng ngày thì anh Trần Thanh T5 điều khiển xe ô tô tải BKS 81C-097.28 đến nhà bị cáo và cả 2 dắt 02 con bò cái lên xe. Sau đó bị cáo nói anh T5 chạy xe đi trước đến cây xăng Năm râu thuộc địa phận phường T5, thị xã A1 đứng đợi. Bị cáo điều khiển xe mô tô chở 02 người con về nhà cha của bị cáo là ông Lê Văn P để gửi rồi chạy xe đến chỗ hẹn trước với anh T5 và nhờ Tùng gửi xe mô tô ở nhà bà Ngoại của anh T5 ở phường A2, thị xã A1. Sau đó, lên xe ô tô cùng với anh T5 chở 02 con bò xuống nhà dì của bị cáo là chị Đặng Thị N2 tại thôn H, xã T6, huyện T5, tỉnh Bình Định, đến khoảng 21 giờ cùng ngày thì đến nhà chị N2. Sau khi dắt bò xuống, bị cáo vào nhà gặp chị N2 nhờ giữ dùm 02 con bò rồi mai đến lấy. Bị cáo nói dối là bò của em bị cáo nhờ đi gửi dùm vì sợ chồng hay cò bạc rồi bán mất. Chị N2 tưởng thật nên đồng ý cho bị cáo gửi 02 con bò. Sau đó, bị cáo mượn của chị N2 500.000 đồng để trả trước tiền xe cho anh T5, số tiền 400.000 đồng còn lại bị cáo nói để trả sau, anh T5 đồng ý. Sau đó bị cáo cùng với anh T5 đi xe ô tô về thị xã A1, tỉnh Gia Lai. Ngày 08/01/2017 bị cáo đã bị Cơ quan điều tra Công an huyện Đ bắt giữ để điều tra làm rõ sự việc.

Quá trình điều tra Cơ quan CSĐT – Công an huyện Đ tạm giữ một số đồ vật, tài sản có liên quan đến vụ án gồm: 01 con bò cái, loại bò lai, màu lông vàng, sừng cong dài 18cm, khoảng 5 năm tuổi; 01 con bò cái, loại bò lai, màu lông vàng, hai tai bị sút, sừng thẳng chéch lên trên dài 20cm, con bò khoảng 7 năm tuổi; 01 xe ô tô tải nhãn hiệu THACO BKS 81C-09728, 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 010895 mang tên Trần Quốc T4, 01 giấy chứng nhận kiểm định xe ô tô số 0443861, 01 giấy phép lái xe số 790155257153 mang tên Trần Thanh T5; 01 chiếc điện thoại di động

NOKIA model 1280 có gắn sim số 01655812327; 01 chiếc điện thoại di động màu trắng hiệu IZU, bên trong máy có gắn sim số 0961586301.

Ngày 14/01/2017 và ngày 16/01/2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện Đ đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại 02 (hai) con bò cái, loại bò lai, màu lông vàng có đặc điểm nêu trên cho bị hại Nguyễn Thị T1. Trả lại cho chủ sở hữu Trần Quốc T4 01 xe ô tô tải BKS 81C-09728, 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 010895, 01 giấy chứng nhận kiểm định số 0443861. Trả lại cho anh Trần Thanh T5 01 giấy phép lái xe, 01 chiếc điện thoại di động NOKIA model 1280 có gắn sim số 01655812327.

Tại bản kết luận định giá tài sản ngày 10/01/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Đ kết luận: Giá trị con bò cái, loại bò lai, màu lông vàng, sừng cong dài khoảng 18cm, khoảng 5 năm tuổi, vòng bụng 147cm, trọng lượng 245kg là 24.500.000đ (hai mươi bốn triệu, năm trăm nghìn đồng); Giá trị con bò cái, loại bò lai, màu lông vàng, hai tai bị sút, sừng thẳng chéch lên trên dài khoảng 20cm, khoảng 7 năm tuổi, vòng bụng 154cm, trọng lượng 283kg là 25.470.000đ (hai mươi lăm triệu, bốn trăm bảy mươi nghìn đồng).

Tại bản cáo trạng số 02/Ctr-VKS ngày 13/3/2017, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai truy tố bị cáo Lê Thị Quốc D về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Lê Thị Quốc D phạm tội “Trộm cắp tài sản”, đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 138; các điểm b, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 33 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Lê Thị Quốc D từ 09 tháng đến 12 tháng tù.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

XÉT THẤY

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với nội dung bản cáo trạng, phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng và các chứng cứ, tài liệu khác có tại hồ sơ vụ án. Vì vậy có đủ cơ sở kết luận: Vào khoảng 18 giờ ngày 06/01/2017 tại Làng B, xã Y, huyện Đ, tỉnh Gia Lai, lợi dụng sự sơ hở trong việc quản lý tài sản của bà Nguyễn Thị T1 và ông Ngô Đức T, bị cáo Lê Thị Quốc D đã lén lút chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị T1 và ông Ngô Đức T 02 con bò trị giá 49.970.000 đ (bốn mươi chín triệu, chín trăm bảy mươi nghìn đồng). Với hành vi trên, đã có đủ cơ sở tuyên bố bị cáo Lê Thị Quốc D phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, đồng thời làm ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Vì vậy, cần phải xử phạt bị cáo nghiêm khắc để không chỉ răn đe, giáo dục đối với bị cáo mà còn để phòng ngừa chung cho xã

hội, đồng thời áp dụng hình phạt tù có thời hạn cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để bị cáo có điều kiện học tập, cải tạo trở thành công dân tốt.

Tuy nhiên, xét bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự; bị cáo là lao động chính trong gia đình vì đã ly hôn với chồng và phải trực tiếp nuôi hai người con còn nhỏ. Việc phạm tội của bị cáo có tính chất bộc phát tức thời không có chủ định từ trước. Đây là những tình tiết để xem xét cân nhắc khi quyết định hình phạt đối với bị cáo. Ngoài ra, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu trong trường hợp ít nghiêm trọng; sau khi phạm tội đã tác động gia đình bồi thường toàn bộ thiệt hại theo yêu cầu của người bị hại, tại phiên tòa người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Vì vậy, cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Trong vụ án này anh Nguyễn Văn T3, anh Trần Quốc T4, anh Trần Thanh T5 và chị Đặng Thị N2 đều không biết và không buộc phải biết 02 con bò là tài sản do bị cáo phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra Công an huyện Đ không xử lý đối với anh T3, anh T4, anh T5 và chị N2 là có căn cứ.

Về vật chứng: Đối với chiếc điện thoại di động màu trắng hiệu IZU, bên trong máy có gắn sim số 0961586301 là công cụ để bị cáo tìm người vận chuyển tài sản do mình trộm cắp nên tịch thu sung quỹ Nhà nước. Các vật chứng còn lại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ đã xử lý theo Thẩm quyền nên HĐXX không đề cập.

Về dân sự: Quá trình điều tra người bị hại yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền chi phí để đi tìm và vận chuyển đưa 02 con bò về nhà là 2.000.000đ. Bị cáo đã tác động bồi thường số tiền này cho người bị hại. Đối với số tiền công vận chuyển 400.000đ mà bị cáo còn nợ anh Trần Thanh T5, anh T5 không yêu cầu bị cáo phải trả. Số tiền 500.000đ mà bị cáo mượn của chị Đặng Thị N2 gia đình bị cáo đã trả thay cho bị cáo. Tại phiên tòa không ai có yêu cầu về dân sự nên Hội đồng xét xử không xét.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lý do trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Lê Thị Quốc D phạm tội “Trộm cắp tài sản”:

Áp dụng khoản 1 Điều 138; các điểm b, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 33 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Lê Thị Quốc D 12 (mười hai) tháng tù. Được khấu trừ thời gian mà bị cáo đã bị tạm giam là 60 (sáu mươi) ngày; hình phạt còn lại bị cáo Lê Thị Quốc D phải chấp hành là 10 (mười) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt thi hành án.

Về vật chứng: Áp dụng các điểm a, khoản 2 Điều 76 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 chiếc điện thoại di động màu trắng hiệu IZU, số Imei: 86381502124151; bên trong máy có gắn sim số 0961586301 của bị cáo Lê Thị Quốc D.

(Đặc điểm, tình trạng vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng ngày 15/3/2017 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Đ và Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ).

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 99 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Lê Thị Quốc D phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án (12/4/2017) bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án đề yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử theo trình tự phúc thẩm.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Đông Phong

Nguyễn Thị Liên

Bùi Tứ Hải

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện Đ;
- Công an huyện Đ;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Bùi Tứ Hải